

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 1071/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26-05-2026

V/v tranh chấp Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Nguyễn Hà Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Nga

2. Bà Lê Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nghị là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 năm 2026 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1249/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 528/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 455/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Ngọc S**, sinh năm 1976; địa chỉ: **Số B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà **Ngô Thị Diệu H**, sinh năm 1987; địa chỉ: **Số B B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2025 và bản tự khai nguyên đơn là ông **Đỗ Ngọc S** trình bày:*

Ông và bà **Ngô Thị Diệu H** tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/03/2012.

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông và bà H là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung có 02 con chung là Đỗ Ngọc Thanh V, sinh ngày 17/09/2012 và Đỗ Khải P, sinh ngày 01/11/2017. Nguyên vọng của ông là được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/04/2026 ông S thay đổi yêu cầu khởi kiện về con chung, ông đồng ý giao hai con chung cho bà H nuôi dưỡng và ông chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 20.000.000 đồng (mỗi trẻ 10.000.000 đồng/tháng).

Tại bản tự ngày 08/12/2025 bà H thống nhất với lời trình bày của ông S về quan hệ vợ chồng và con chung. Bà xác nhận giữa bà và ông S có mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn. Bà cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S có người phụ nữ khác. Bà không đồng ý ly hôn vì không muốn con phải sống cảnh mất ba hoặc mất mẹ, tan nát gia đình. Tuy nhiên nếu ông S cương quyết xin ly hôn thì bà đồng ý.

- Về con chung: Bà không đồng ý giao hai con chung cho ông S nuôi dưỡng mà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng là 50.000.000 đồng (Mỗi trẻ 25.000.000 đồng/tháng).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù nhà đất số B B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông S nhưng ông S phải ủy quyền cho bà và các con căn nhà và đất trên để đảm bảo chỗ ở cho 02 con ở cho đến khi 18 tuổi.

Tại Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 03/03/2026 bà H thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con. Theo đó, bà H yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 35.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông S vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt.

Bà H đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là không thể hàn gắn. Bà yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con tối thiểu là 35.000.000 đồng và đề nghị ông S phải làm cam kết giao lại nhà cho 02 con ở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ông **S** được ly hôn với bà **H**. Về con chung giao hai con chung cho bà **H** nuôi dưỡng và ông **S** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 20.000.000 đồng. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của ông **S** quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại **phường A, Thành phố Hồ Chí Minh** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà **H** và ông **S** là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/03/2012.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng chung sống, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa ông **S** và bà **H** là có thật. Bà **H** cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông **S** có người phụ nữ khác, ông **S** không thừa nhận, bà **H** không cung cấp được chứng cứ chứng minh nhưng điều đó thể hiện tình trạng quan hệ vợ chồng

đã rạn nứt, không còn sự tin tưởng lẫn nhau. Tòa án đã tiến hành các thủ tục hòa giải nhưng không thành, tại các lần hòa giải bà H không mong muốn ly hôn nhưng tại phiên tòa bà xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn nên đồng ý ly hôn.

Do đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa ông S và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Ngọc Thanh V, sinh ngày 17/09/2012 và Đỗ Khải P, sinh ngày 01/11/2017 của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Yêu cầu nuôi con của bà H được ông S chấp nhận. Ngoài ra, hai trẻ Đỗ Ngọc Thanh V và Đỗ Khải P đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của bà H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 35.000.000 đồng. Ông S chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì mức cấp dưỡng nuôi con dựa trên thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

Căn cứ vào Hợp đồng lao động số 56/2023/HĐLĐ-VT của Công ty cổ phần Đ thì mức lương của ông S là 30.000.000 đồng/tháng.

Ngày 03/03/2026 Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 387/2026/QĐ-CCCTLCC để yêu cầu bà H cung cấp nhu cầu thiết yếu của 02 trẻ Đỗ Ngọc Thanh V và Đỗ Khải P nhưng đã hết thời hạn cung cấp chứng cứ nhưng bà H vẫn không cung cấp.

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 thì mức cấp dưỡng nuôi con do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con.

Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 thì mức lương tối thiểu vùng tại Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh là 4.960.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng cần được xác định phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết

yếu của người được cấp dưỡng. Việc ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 20.000.000 đồng/tháng (mỗi trẻ 10.000.000 đồng) là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của hai trẻ, phù hợp với khả năng thực tế của ông S và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét, sau này phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[2.4] *Về các vấn đề khác:*

Bà H cho rằng nhà đất số B B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông S nhưng bà yêu cầu ông S phải cam kết giao nhà đất trên cho các con để đảm bảo chỗ ở cho 02 con. Yêu cầu trên của bà H không liên quan đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

[4] *Về quyền kháng cáo:*

Bà H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Đỗ Ngọc S** được ly hôn với bà **Ngô Thị Diệu H**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/03/2012 hết hiệu lực.

- Về con chung: Giao hai con chung là **Đỗ Ngọc Thanh V**, sinh ngày 17/09/2012 và **Đỗ Khải P**, sinh ngày 01/11/2017 cho bà **Ngô Thị Diệu H** trực tiếp nuôi dưỡng và ông **Đỗ Ngọc S** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 20.000.000 đồng (mỗi trẻ 10.000.000 đồng/tháng).

Các bên tự thực hiện hoặc thực hiện tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông **Đỗ Ngọc S** có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông **Đỗ Ngọc S** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông **Đỗ Ngọc S** đã nộp theo biên lai thu số 0045051 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Đỗ Ngọc S** phải nộp thêm án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

- Bà **Ngô Thị Diệu H** có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông **Đỗ Ngọc S** vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Nguyễn Hà Hải

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Nguyễn Hà Hải